

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 02/01/2018 ĐẾN 31/12/2018
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo soát xét của Kiểm toán viên độc lập	5 – 6
3. Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 – 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kế toán từ 02/01/18 đến 31/12/2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ 02/01/18 đến 31/12/2018	11 - 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 02/01/18 đến 31/12/2018	13 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng Công ty**”) nguyên là Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số thuế : 3700146458

- * Hệ thống các Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong niên độ kế toán 2018

Niên độ kế toán này là niên độ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty theo hình thức Công ty Cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

- | | | | |
|----|-----|---------------------|----------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên |
| 4. | Ông | Lê Văn Tám | Thành viên |
| 5. | Ông | Nguyễn Xuân Hoà | Thành viên |
| 6. | Ông | Lê Trọng Hiếu | Thành viên |
| 7. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên |

Ban Kiểm soát

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà | Nguyễn Thuý Hằng | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|---------------------|--|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Phó Tổng Giám Đốc |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám Đốc |
| 4. | Ông | Huỳnh Xuân Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Ông | Trần Đình Giáp | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 57.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 02/01/2018 đến 31/12/2018, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Quang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Số: 48/2019/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lê - CTCP kèm theo, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lê - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính riêng đã được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0486-2018-124-1

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0786-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

102038-
CÔNG
KIỂM
TAM T
- CHI N
AI THÀ
HỒ CHÍ
- TP H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.650.365.743.032	7.057.067.840.194
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.456.899.686.042	2.700.420.746.291
111	1. Tiền		184.717.666.042	2.239.420.746.291
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.272.182.020.000	461.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		387.000.000.000	410.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	387.000.000.000	410.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.185.118.968.313	1.843.414.248.508
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.677.736.557.379	1.116.685.106.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	766.414.370.329	152.366.268.234
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	500.000.000.000	419.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	250.358.796.514	155.362.873.422
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(9.390.755.909)	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	1.615.353.113.723	2.012.500.918.836
141	1. Hàng tồn kho		1.615.353.113.723	2.012.500.918.836
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.993.974.954	90.731.926.559
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	1.682.332.156	2.092.047.287
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	4.311.638.227	53.959.960.930
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	4.571	34.679.918.342
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.696.501.089.570	2.594.916.133.907
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		84.350.351.321	155.820.000.170
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	49.834.976.581	121.204.625.430
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	14.135.374.740	14.135.374.740
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.14	20.380.000.000	20.480.000.000
220	II. Tài sản cố định		923.081.452.339	868.099.649.003
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	666.301.158.802	609.437.256.779
222	- Nguyên giá		1.248.181.956.659	1.112.991.115.624
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(581.880.797.857)	(503.553.858.845)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.16	256.780.293.537	258.662.392.224
228	- Nguyên giá		324.721.358.168	319.306.199.627
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67.941.064.631)	(60.643.807.403)

62-06
 CTY TNHH
 TOÀN
 ANH
 VÀ PH
 MINH
 30/01

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
230	III. Bất động sản đầu tư	V.17	215.806.078.478	233.713.252.830
231	- Nguyên giá		234.912.351.883	253.191.065.509
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.106.273.405)	(19.477.812.679)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.014.885.593.304	837.513.282.039
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.18	11.027.418.980	7.487.800.193
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	1.003.858.174.324	830.025.481.846
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		430.271.140.617	464.068.476.322
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.20	136.229.963.381	191.662.459.942
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.21	294.395.744.491	256.458.010.136
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.22	-	15.948.006.244
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.23	(354.567.255)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		28.106.473.511	35.701.473.543
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.24	28.057.473.511	35.701.473.543
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.25	49.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.346.866.832.602	9.651.983.974.101

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.874.362.230.289	7.285.983.974.101
310	I. Nợ ngắn hạn		6.459.975.852.082	6.665.398.786.452
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.26	722.313.978.959	1.164.491.586.491
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.27	5.963.299.791	13.475.306.573
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.28	2.184.431.398.280	1.838.510.219.366
314	4. Phải trả người lao động	V.29	3.041.865.411	12.464.037.195
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.30	4.254.280.357	9.504.463.060
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.31	110.809.376.615	53.618.319.602
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.32	3.307.904.639.541	3.390.364.639.212
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.33	3.145.519.778	23.648.162.727
323	9. Quỹ bình ổn giá	V.34	118.111.493.350	159.322.052.226
330	II. Nợ dài hạn		414.386.378.207	620.585.187.649
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.35	16.100.000.000	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.36	304.418.215.907	411.550.098.649
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.37	77.217.662.300	76.600.589.000
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.38	16.650.500.000	132.434.500.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.472.504.602.313	2.366.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.39	2.472.504.602.313	2.366.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.39.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.39.2	106.504.602.313	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		106.504.602.313	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.346.866.832.602	9.651.983.974.101

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.40	13.444.583.505.434	7.849.517.188.561
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.40	13.444.583.505.434	7.849.517.188.561
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.41	12.919.204.603.776	7.507.582.128.616
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		525.378.901.658	341.935.059.945
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.42	136.543.767.938	149.787.164.276
22	7. Chi phí tài chính	VI.43	213.882.469.532	104.571.220.210
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		164.474.281.236	99.117.999.859
25	8. Chi phí bán hàng	VI.44	243.968.611.959	228.642.265.019
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.45	73.140.740.865	56.354.571.757
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		130.930.847.240	102.154.167.235
31	11. Thu nhập khác	VI.46	9.751.950.194	1.690.394.720
32	12. Chi phí khác	VI.47	8.405.818.135	1.973.244.514
40	13. Lợi nhuận khác		1.346.132.059	(282.849.794)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		132.276.979.299	101.871.317.441
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.48	25.821.376.986	13.777.420.703
52	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.49	(49.000.000)	338.403.837
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		106.504.602.313	87.755.492.901

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		15.557.533.659.015	9.905.133.732.767
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(15.216.968.517.351)	(8.632.699.616.313)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(73.709.005.464)	(59.059.373.184)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(258.178.689.540)	(106.401.578.673)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.000.000.000)	(691.198.554)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.720.477.556.824	2.656.305.338.923
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.699.626.514.158)	(2.386.355.508.617)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(990.471.510.674)	1.376.231.796.349
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(107.652.148.826)	(147.088.977.054)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.341.000.000.000)	(8.281.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.283.000.000.000	7.452.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		112.173.416.076	181.189.536.477
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(53.478.732.750)	(794.899.440.577)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		11.240.149.268.477	8.457.960.569.435
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(11.439.721.675.249)	(7.208.163.628.367)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(53.363.138.026)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(199.572.406.772)	1.196.433.803.042
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.243.522.650.196)	1.777.766.158.814
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	2.700.420.746.291	922.654.672.328
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.589.947	(84.851)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	1.456.899.686.042	2.700.420.746.291

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Huyền Phương

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 02/01/2018 ĐẾN 31/12/2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm là Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các Chi nhánh, Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty bao gồm :

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Các Chi nhánh, Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Hoạt động chính
1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng giao dịch và Cho thuê văn phòng
2. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Kinh doanh xăng dầu
3. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.	Kinh doanh xăng dầu
4. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh xăng dầu
5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6. Công viên Văn hóa Thanh Lễ	563-567 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vui chơi, ăn uống, cho thuê hội trường,...
7. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn
8. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
9. Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Áp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
10. Ban Quản lý KCN Bình Đường - Sóng Thần I	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
11. Hệ thống 13 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu
12. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh Vật liệu xây dựng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

❖ Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết bao gồm:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu của TCT
❖ Công ty con				
1. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp 3700785510	8.188.380.782	56,84%
2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng; Vận tải xăng dầu; Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp 3700817346	45.302.676.635	57,97%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Lắp đặt hệ thống điện; cấp, thoát nước; Thu gom xử lý rác thải...	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3700144108	43.738.905.964	100%
5. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn SP nhiên liệu ...	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: thuế: 3702525028	15.000.000.000	100%
❖ Công ty liên kết				
6. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3701815415	37.937.734.355	35,02%
7. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất VLXD	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700148529	256.458.010.136	25,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu Báo cáo tài chính kỳ kế toán này (từ ngày 02/01/2018 đến 31/12/2018) không cùng kỳ so sánh với Báo cáo tài chính kỳ trước từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2018, do Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

38482
NG TY
KIỂM TO
I TÂM
I NHÀ
HÀNH
CHÍ MI
P HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
- Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

003
NH
ÁN
VI
PH
NH
NH

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

QSDĐ có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận QSDĐ. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định, được ghi nhận theo nguyên giá và không tính khấu hao

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
- Giấy phép xả nước thải	10

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là Tài sản cố định (hữu hình và vô hình) thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường hoặc sử dụng cho mục đích sản xuất, quản lý của doanh nghiệp..

BĐSDT được trình bày theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá BĐSDT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSDT, tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng cơ bản hoàn thành BĐSDT đó.

BĐSDT cho thuê phải trích khấu hao và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê).

Số năm khấu hao của các nhóm Bất động sản đầu tư như sau:

<u>Bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45
- Nhà cửa vật kiến trúc	50



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

BĐSDT nắm giữ chờ tăng giá không tính khấu hao. Trường hợp BĐSĐT bị giảm giá so với giá thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì BĐSĐT được đánh giá giảm nguyên giá, khoản tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

9. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...)

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá (dịch vụ), tài sản cho người mua sử dụng.

(Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong trường hợp : Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm (TSCĐ, BĐSĐT); Tiền lãi nhận trước của khoản cho vay vốn; Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay; Kế cả khoản tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ phải chiết khấu, giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống là phần nghĩa vụ mà người bán sẽ phải thực hiện trong tương lai...)

Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu (bán hàng/cung cấp dịch vụ/ tài chính) của các kỳ kế toán sau

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông, được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và phù hợp với các quy định hiện hành.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng của Tổng Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

17. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

18. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế TNDN sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ĐVT: VND

	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 02/01/2018</u>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	15.061.416.000	24.835.436.505
- Tiền gửi ngân hàng	169.656.250.042	2.214.585.309.786
- Các khoản tương đương tiền [*]	1.272.182.020.000	461.000.000.000
Cộng	<u>1.456.899.686.042</u>	<u>2.700.420.746.291</u>

Trong đó

+ Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ	USD 1,009.57	USD 1,473,44
--------------------------------------	--------------	--------------

[*] Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	387.000.000.000	410.000.000.000
---	------------------------	------------------------

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế	578.404.238.980	-
- Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S (*)	475.043.512.504	255.526.683.342
- Công ty TNHH Hải Linh (*)	375.198.376.084	170.132.785.901
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	107.832.689.944	186.389.217.376
- Công ty TNHH Thương Mại Hồ Bửu	22.094.222.000	27.972.353.000
- Công ty TNHH Huy Hồng	16.241.438.283	19.689.192.083
- Công ty TNHH Xăng Dầu Huy Hoàng	9.202.168.600	8.421.065.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	7.611.930.000	3.506.332.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Phú Sang	7.285.051.550	19.546.688.950
- Công ty TNHH Xăng dầu 77	6.606.638.600	1.521.276.200
- Công ty TNHH TMDV TH Hoà Khánh	6.122.161.683	20.882.888.966
- DNTN Trạm Xăng dầu Hiệp Phát	5.624.784.500	4.926.430.000
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu TM và DV Minh Phát	5.509.683.897	8.820.395.599
- Công ty TNHH BĐS Thảo Điền	2.274.921.000	-
- Công ty TNHH Địa Ốc Ngôi Nhà Thân Yêu	1.638.413.400	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	75.560.000	16.856.914.500
- Công ty TNHH Vận Tải Thủy Bộ Bình Dương (*)	20.250.340	4.757.991.297
- Công ty CP CK NH Công Thương VN - CN TP.HCM	-	264.000.000.000
- Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng	-	29.613.912.725
- Công ty CP NICOTEX Nam Thái Dương	-	19.856.827.041
- Công ty CP Sung Hyun Vina	-	51.206.410
- Các đối tượng khác	50.950.516.014	54.212.946.462
Cộng	1.677.736.557.379	1.116.685.106.852

(*) Khoản phải thu các Bên liên quan

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Nguyễn Thành Nhân	467.717.800.000	-
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	120.094.525.502	-
- Hợp Tác Xã Vĩnh Hưng	73.931.097.182	1.373.112.480
- Nguyễn Thanh Sơn	24.698.400.000	24.698.400.000
- Đỗ Thị Thu	20.812.433.250	19.283.183.250
- Công ty Cổ phần TM Tổng Hợp Thuận An	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và DV Vĩnh Hưng Phát	7.690.000.000	-
- Trần Hiếu	7.077.342.000	7.077.342.000
- Nguyễn Văn Thanh	7.009.100.000	7.009.100.000
- Công ty Cổ phần Miền Đông Nam Bộ	5.148.000.000	5.148.000.000
- Công ty TNHH Phát triển KHCN Tiên Tiến	4.780.645.765	4.780.645.765
- Huỳnh Văn Sang	2.944.896.800	2.944.896.800
- Công ty TNHH Kỹ thuật và TM Không Gian Mới - SPACETECH	1.772.072.408	1.962.053.408
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật IAS	1.448.972.871	1.448.972.871
- Nguyễn Thị Cúc	1.020.000.000	1.020.000.000
- Lê Ngọc Dung	1.014.907.000	1.014.907.000
- Trung tâm Phát triển Quý Đất Huyện Phú Giáo	84.583.000	4.313.547.000
- Công ty TNHH Toàn Lực	-	19.321.300.000
- Công ty Cổ phần Việt Hùng	-	31.020.928.000
- Các khoản trả trước ngắn hạn khác	9.169.594.551	9.949.879.660
Cộng	766.414.370.329	152.366.268.234

(*) Khoản trả trước cho bên liên quan

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

5. Phải thu cho vay ngắn hạn

Khoản tiền cho vay là trong thời hạn 3 ~ 6 tháng. Lãi suất cho vay là 0,50%/tháng.

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương (*)	252.000.000.000	-
- Công ty TNHH VT Thủy Bộ Bình Dương (*)	248.000.000.000	-
- Công ty TNHH SX VLXD Hưng Thịnh	-	419.000.000.000
Cộng	500.000.000.000	419.000.000.000
(*) Khoản cho vay là bên liên quan		

6. Phải thu ngắn hạn khác

- Phải thu hao hụt xăng dầu	1.055.379.071	1.651.597.257
- Tạm ứng	146.483.896.336	85.669.197.145
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt xăng dầu nhập khẩu	41.544.103.829	12.276.424.189
- Công ty TNHH SX VLXD Hưng Thịnh	20.222.766.578	479.333.333
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương (*)	14.142.291.613	14.142.291.613
- Công ty TNHH VT Thủy Bộ Bình Dương (*)	9.578.634.947	2.730.987.953
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương (*)	9.172.427.607	9.172.427.607
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương (*)	5.305.671.032	2.352.429.659
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Bình Dương	1.405.130.730	3.592.974.493
- Công ty TNHH ĐK Xe Cơ giới 61 - 05D (*)	720.685.074	341.873.412
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bình Dương	410.301.370	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	151.506.850	886.111.111
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Trung tâm Kinh Doanh - HN	-	1.739.166.667
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - CN Hồ Chí Minh	-	19.899.927.777
- Các đối tượng khác	166.001.477	428.131.206
Cộng	250.358.796.514	155.362.873.422



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

- (*) Các khoản phải thu các bên có liên quan về tiền bán cổ phần, phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia.

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 31/12/2018		Ngày 02/01/2018	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Nguyệt	2.897.012.000	2.897.012.000	2.897.012.000	-
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	1.446.839.586	1.446.839.586	-
- Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	1.177.940.000	1.226.440.000	-
- Daewoo International Corporation	1.055.379.071	1.055.379.071	1.055.379.071	-
- CN - Công ty TNHH Thanh Lễ (Trạm XD Thanh Lễ)	768.945.906	768.945.906	768.945.906	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dầu Khí VHS	932.746.700	466.373.350	932.746.700	-
- CN Công ty TNHH TM Hùng Trường - Trạm XD Lam Hiền	266.762.600	266.762.600	266.762.600	-
- CN Công ty TNHH Phúc Gia Khang	340.000.000	170.000.000	340.000.000	-
- DNTN Trạm XD Thanh An Phát	161.397.200	161.397.200	161.397.200	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Như Ý	155.501.800	155.501.800	155.501.800	-
- DNTN Trạm Xăng Dầu Ngọc Xuân	300.851.168	150.425.584	300.851.168	-
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	261.852.000	130.926.000	261.852.000	-
- Công ty CP CT Giao thông 68	124.800.000	124.800.000	124.800.000	-
- Công ty TNHH TM – XNK Sản Xuất Hưng Thái	237.723.107	118.861.554	237.723.107	-
- DNTN Thương Mại Vân Anh	229.400.602	114.700.301	229.400.602	-
- Công ty TNHH Dệt May Thế Hòa	199.668.331	99.834.165	199.668.331	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Xây dựng Tấn Hoàng	170.113.583	85.056.792	170.113.583	-
Cộng	10.726.933.654	9.390.755.909	10.775.433.654	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

8. Hàng tồn kho

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Hàng mua đang đi đường	-	42.052.520.000
- Nguyên liệu, vật liệu	251.835.548.998	6.790.779.757
- Công cụ, dụng cụ	18.400.000	218.539.092
- Thành phẩm xăng dầu	133.979.676.798	-
- Thành phẩm Bất động sản	621.689.193.439	590.525.104.553
- Hàng hóa (xăng dầu nhớt...)	568.845.648.856	1.327.957.746.491
- Hàng hóa Bất động sản	38.984.645.632	44.399.804.173
- Hàng gửi bán	-	556.424.770
	1.615.353.113.723	2.012.500.918.836

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục	Ngày 02/01/2018	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công cụ dụng cụ	1.104.999.342	1.584.877.394	2.136.783.150	553.093.586
Chi phí sửa chữa, cải tạo	897.047.945	2.237.137.877	2.004.947.252	1.129.238.570
- Chi phí khác	90.000.000	-	90.000.000	-
Cộng	2.092.047.287	3.822.015.271	4.231.730.402	1.682.332.156

10. Thuế GTGT được khấu trừ 4.311.638.227 53.959.960.930

Khoản thuế GTGT còn được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ.

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.554.010.635
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	499.733.058
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	1.810	947.804.841
- Thuế Xuất, nhập khẩu	2.761	31.678.369.808
Cộng	4.571	34.679.918.342

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Lê Hoài Nam	5.050.000.000	5.050.000.000
- Trần Thị Kim Phương	5.000.000.000	5.000.000.000
- Bùi Thị Diệu Hằng	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngô Thị Hồng Thoa	4.000.000.000	4.000.000.000
- Đồng Minh Tính	3.500.000.000	3.500.000.000
- Lê Thị Thủy	2.500.000.000	3.500.000.000
- Phạm Mai Thanh Thảo	2.500.000.000	2.500.000.000
- Nguyễn Phi Công	2.051.084.000	2.551.084.000
- Dương Triều Đại	2.000.000.000	5.000.000.000
- Phạm Mai Thùy Trang	2.000.000.000	4.500.000.000
- Công ty CP XD và DV Hàng hải S.T.S (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
- Phạm Thị Kim Thành	1.850.000.000	2.650.000.000
- Nguyễn Thị Ngọc Thủy	1.000.000.000	3.000.000.000
- Nguyễn Văn Tấn	788.200.000	788.200.000
- Trương Thị Xuyên	597.379.000	1.190.986.000
- Bùi Văn Quyết	556.945.000	1.041.945.000
- Nguyễn Thế Hùng - Trần Thị Hồng Hạnh	544.272.000	544.272.000
- Lê Minh Tùng	500.000.000	5.000.000.000
- Nguyễn Văn Dũng	-	2.800.000.000
- Các đối tượng khác	9.397.096.581	62.588.138.430
Cộng	49.834.976.581	121.204.625.430

13. Trả trước cho người bán dài hạn**14.135.374.740****14.135.374.740**

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

14. Phải thu dài hạn khác

- Đặt cọc thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu	380.000.000	480.000.000
- Đặt cọc để thực hiện dự án kho xăng dầu Cục Hậu cần Quân khu 7	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.380.000.000	20.480.000.000



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

15. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu \ Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Ngày 02/01/2018	882.185.348.191	98.839.925.897	125.243.765.246	5.743.228.290	978.848.000	1.112.991.115.624
- Mua trong kỳ	1.097.280.000	4.333.620.459	5.662.766.725	36.000.000		11.129.667.184
Đầu tư XDCB hoàn thành	68.877.557.617	22.665.445.523	49.609.560.286			141.152.563.426
- Thanh lý, nhượng bán	-	(50.000.000)	(17.041.389.575)			(17.091.389.575)
- Ngày 31/12/2018	952.160.185.808	125.788.991.879	163.474.702.682	5.779.228.290	978.848.000	1.248.181.956.659
Giá trị hao mòn						
- Ngày 02/01/2018	397.751.591.523	42.725.932.701	59.238.215.278	3.145.982.943	692.136.400	503.553.858.845
- Khấu hao trong năm	64.813.865.249	12.034.406.956	10.984.846.296	591.483.467	102.489.504	88.527.091.472
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.249.996)	(10.193.902.464)			(10.200.152.460)
- Ngày 31/12/2018	462.565.456.772	54.754.089.661	60.029.159.110	3.737.466.410	794.625.904	581.880.797.857
Giá trị còn lại						
- Ngày 02/01/2018	484.433.756.668	56.113.993.196	66.005.549.968	2.597.245.347	286.711.600	609.437.256.779
- Ngày 31/12/2018	489.594.729.036	71.034.902.218	103.445.543.572	2.041.761.880	184.222.096	666.301.158.802
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
- Ngày 02/01/2018	182.201.894	102.271.440	-	202.500.000	-	486.973.334
- Ngày 31/12/2018	2.563.827.594	5.353.603.158	2.947.060.000	882.340.000	-	11.746.830.752

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

16. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ		Giấy phép xả nước thải (b)	Tổng cộng
	Quyền sử dụng đất lâu dài (a)	Quyền sử dụng đất có thời hạn		
Nguyên giá				
- Ngày 02/01/2018	4.832.818.182	314.155.199.626	318.181.819	319.306.199.627
- Tăng trong kỳ		5.415.158.541		5.415.158.541
- Ngày 31/12/2018	4.832.818.182	319.570.358.167	318.181.819	324.721.358.168
Giá trị hao mòn				
- Ngày 02/01/2018	-	60.540.398.318	103.409.085	60.643.807.403
- Khấu hao trong kỳ		7.265.440.632	31.816.596	7.297.257.228
- Ngày 31/12/2018	-	67.805.838.950	135.225.681	67.941.064.631
Giá trị còn lại				
- Ngày 02/01/2018	4.832.818.182	253.614.801.308	214.772.734	258.662.392.224
- Ngày 31/12/2018	4.832.818.182	251.764.519.217	182.956.138	256.780.293.537

(a) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Cửa hàng xăng dầu số 7.

(b) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 07 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

17. Bất động sản đầu tư

Chi tiêu \ Nhóm BĐSĐT	Quyền sử dụng đất lâu dài [a]	Quyền sử dụng đất có thời hạn [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc [a]	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Ngày 02/01/2018	123.860.000.000	78.743.170.612	50.587.894.897	253.191.065.509
- Mua trong kỳ	-	-	1.628.732.600	1.628.732.600
- Thanh lý, nhượng bán		(19.907.446.226)	-	(19.907.446.226)
Ngày 31/12/2018	123.860.000.000	58.835.724.386	52.216.627.497	234.912.351.883
Giá trị hao mòn				
- Ngày 02/01/2018	-	13.369.144.640	6.108.668.039	19.477.812.679
- Khấu hao trong kỳ	-	1.749.852.396	1.590.318.756	3.340.171.152
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.711.710.426)	-	(3.711.710.426)
Ngày 31/12/2018	-	11.407.286.610	7.698.986.795	19.106.273.405
Giá trị còn lại				
- Ngày 02/01/2018	123.860.000.000	65.374.025.972	44.479.226.858	233.713.252.830
Ngày 31/12/2018	123.860.000.000	47.428.437.776	44.517.640.702	215.806.078.478

[a] Quyền sử dụng đất lâu dài và Tòa nhà cao ốc văn phòng cho thuê tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

[b] Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên. Tình hình thuê đất như sau:

- Diện tích đất thuê tại ngày 02/01/2018	142.545,40	m ²
- Diện tích đất chuyển nhượng	36.037,60	m ²
- Diện tích đất thuê tại ngày 31/12/2018	106.507,80	m ²
- Thời hạn sử dụng đất	45	năm (đến ngày 24/10/2054)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản:

	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 02/01/2018</u>
- Khu Biệt thự vườn Chánh Mỹ	35.781.900	
- Khu Nhà Thương mại Phú Thọ	1.368.211.956	854.992.448
- Khu Nhà Thương mại An Bình	9.623.425.124	6.632.807.745
Cộng	11.027.418.980	7.487.800.193

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình, dự án sau:

Công trình	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Dự án Khu kho cảng An Sơn	469.987.206.884	466.200.605.695
- Dự án Kho xăng dầu VK102	3.059.575.156	132.159.939.113
- Dự án mở rộng Khu Công viên Thanh Lễ	114.931.247.753	107.709.622.860
- Công trình Mỏ Đá	144.960.619.499	58.966.545.014
- Công trình Phụ	49.347.413.375	26.845.858.382
- Chuyển nhượng QSSĐ P Bình Thắng Dĩ An	18.503.820.000	18.503.820.000
- Chuyển nhượng đất khu Chánh Mỹ	17.808.113.439	17.808.113.439
- Khu Công nghiệp Bình Đường	-	945.540.525
- Khu xử lý chất thải rắn Tân Mỹ	899.802.310	885.436.818
- Khu công nghiệp Sóng Thần I	906.784.000	-
- Hệ thống Cửa hàng Xăng dầu Bình Phước	34.373.833.649	-
- Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	153.352.610	-
- Kho xăng dầu Phú Quốc	148.926.405.649	-
Cộng	1.003.858.174.324	830.025.481.846

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

20. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các Công ty con như sau:

Công ty	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	70.432.496.561
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	45.302.676.635
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	8.188.380.782
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	43.738.905.964
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-
Cộng	136.229.963.381	191.662.459.942

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 31/12/2018 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	66.088.039.787	57,97%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	13.500.000.000	56,84%
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	43.738.905.964	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
Cộng	136.229.963.381		



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

21. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Vào ngày 05/01/2018, Tổng Công ty đã bán ra ngoài 3.206.509 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Sau khi thoái vốn, Tổng Công ty nắm giữ 3.743.327 Cổ phiếu, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương. Do vậy từ thời điểm trên Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương trở thành Công ty liên kết của Tổng Công ty.

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31/12/2018 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	256.458.010.136	25.000.000	25,00%
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	37.937.734.355	3.743.327	35,02%
Cộng	294.395.744.491		

22. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- 15.948.006.244

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D đã được chuyển sang hình thức đầu tư vào Công ty con sau khi đạt được thỏa thuận với các đối tác.

23. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (354.567.255)

-

Khoản dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

24. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Tại 02/01/2018	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	Tại 31/12/2018
- Công cụ dụng cụ	4.415.722.934	1.003.132.571	2.147.096.843	3.271.758.662
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.909.087.573	6.101.308.943	2.603.004.244	7.407.392.272
- Phí giữ hộ xăng dầu từ năm 2012 đến năm 2018 [a]	2.750.000.001		2.750.000.001	-
- Tiền thuê đất Cửa hàng xăng dầu 24 (2.089,1 m ²) [b]	3.685.820.737		268.059.690	3.417.761.047
- Lợi thế thương mại	20.940.842.298		6.980.280.768	13.960.561.530
Cộng	35.701.473.543	7.104.441.514	14.748.441.546	28.057.473.511

[a] Chi phí trả trước phí giữ hộ xăng dầu phải trả cho Kho xăng dầu VK 102, Cục Hậu Cần, Quân Khu 7 tại ấp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 3 Hợp đồng tiếp nhận, giữ hộ và bơm rót xăng dầu số VK102.CHC.QK7-Thanh Lễ ngày 09 tháng 07 năm 2012 phí giữ hộ xăng dầu một năm là 2.000.000.000 đồng/năm (chưa gồm 10% thuế VAT) trong suốt thời gian 07 năm (từ năm 2012 đến hết năm 2018).

[b] Chi phí trả trước tiền thuê khu đất xây dựng trạm kinh doanh xăng dầu số 24. Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 24 tháng 08 năm 2011 Tổng Công ty thuê lại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 4AB.7 tại Phường An Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Công đoàn Bình Dương trong thời hạn 20 năm, kể từ ngày bàn giao đất. Đơn giá thuê 20.000.000 đồng/tháng, tiền thuê đất cho 20 năm là 4.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

[c] Giá trị lợi thế thương mại được ghi nhận theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty. Tổng Công ty phân bổ lợi thế thương mại trong thời gian 3 năm.

25. Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 49.000.000 -

Khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại là khoản tiền phải nộp 1% trên số tiền ứng trước theo tiến độ để mua bất động sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

26. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 02/01/2018</u>
- Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	343.364.195.401	641.521.672.944
- Chi nhánh Phân Phối Sản Phẩm Lọc Dầu Nghi Sơn - Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	272.083.108.878	-
- Công ty TNHH Hải Linh (*)	71.246.431.922	-
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	22.024.200.000	-
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương (*)	5.571.962.801	14.626.764.854
- Công ty CP Thương mại Năng Lượng Xanh	2.142.000.000	-
- Công ty TNHH Toàn Lực	1.807.528.435	-
- Công ty Cổ phần Việt Hùng	897.242.658	-
- Công ty TNHH Cơ khí Đặng Vũ	788.000.000	1.575.500.000
- Công ty TNHH Đạt Hiển	424.583.500	-
- Trần Tấn Vinh - Trần Ngọc Hải	320.000.000	384.000.000
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Công nghệ và Tự Động Hóa Nam Sang	219.092.280	219.092.280
- Công ty Cổ phần Hưng Nam Phát	143.900.132	357.750.073
- Daemyung Crusher Co., LTD	-	2.258.490.353
- Soleum Energy PTE LTD	-	380.774.189.222
- Công ty TNHH Địa Ốc Ngôi Nhà Thân Yêu	-	3.912.449.184
- Petrolimex Singapore PTE LTD	-	115.336.428.781
- Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex	-	609.593.958
- Các đối tượng khác	1.281.732.952	2.915.654.842
Cộng	<u>722.313.978.959</u>	<u>1.164.491.586.491</u>

(*) Khoản phải trả cho các bên liên quan

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

27. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Công ty Cổ phần Sung Hyun Vina	3.333.440.500	-
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Phương Anh	608.108.642	-
- Vãng lai công viên	370.000.000	586.000.000
- Công ty TNHH Xăng Dầu Phú Lợi	351.000.000	-
- Công ty TNHH Nhật Đông	266.540.600	266.540.600
- Vãng lai TTHNNHKS Gold Star	166.000.000	104.000.000
- DNTN Trạm Kinh doanh Xăng Dầu Phú An	126.434.800	311.516.900
- Công ty CP Thương mại và Vận tải Hà Nam	76.742.396	-
- Phạm Công Minh	50.876.000	-
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	40.694.180	50.000.000
- DNTN TM Dịch vụ Xăng dầu Thanh Bình	40.146.000	40.146.000
- Công ty TNHH SX Thương mại Thiện Hưng	38.168.300	-
- DNTN Mai Sơn	35.310.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Thành Phát - Trạm Xăng dầu Thới Hòa	30.259.800	-
- Công ty TNHH Sơn Giang	26.084.615	8.237.115
- DNTN Trạm Xăng Dầu Thanh Tuyền	23.583.400	35.562.300
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thanh Phong	22.245.200	10.309.000
- Công ty TNHH Thương mại Thành Phát	4.174.800	224.153.600
- Cheng Hsiu Min	-	11.441.925.000
- Các đối tượng khác	353.490.558	396.916.058
Cộng	5.963.299.791	13.475.306.573

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 02/01/2018	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Thuế Giá trị gia tăng	1.141.574.227	126.966.874.173	125.708.868.204	2.399.580.196
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(1.554.010.635)	324.957.780.545	323.403.769.910	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	(307.464.993)	65.366.763.553	64.248.714.007	810.584.553
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	(31.678.369.808)	171.724.910.664	140.046.543.617	(2.761)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.614.959.939	25.821.376.986	20.000.000.000	16.436.336.925
- Thuế Thu nhập cá nhân	835.965.704	1.675.327.503	1.479.234.194	1.032.059.013
- Thuế Nhà đất và Tiền thuế đất	779.087.032	27.008.017.624	19.533.237.287	8.253.867.369
- Thuế Bảo vệ môi trường	94.544.371.170	1.240.778.212.350	1.242.772.640.580	92.549.942.940
- Phí, lệ phí	-	546.656.375	546.656.375	-
- Phải nộp CPH và Lợi nhuận DNNN	1.729.454.188.388	367.551.896.274	34.057.059.188	2.062.949.025.474
Cộng	1.803.830.301.024	2.352.397.816.047	1.971.796.723.362	2.184.431.393.709

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.838.510.219.366			2.184.431.398.280
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.11)	(34.679.918.342)			(4.571)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế: Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * Không chịu thuế : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất
- * 5% : Nước sinh hoạt
- * 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; cho thuê văn phòng, nhà xưởng...



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10% áp dụng cho mặt hàng Xăng nhập khẩu và 8% áp dụng cho mặt hàng Xăng E5 Ron 92.

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế Nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 165/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014: quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018.
- Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

29. **Phải trả người lao động** 3.041.865.411 12.464.037.195

Tiền lương và các khoản mang tính chất lương còn phải trả cho người lao động.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

30. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Chi phí lãi vay	2.664.166.559	3.873.058.387
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí thi công	-	4.983.828.951
- Chi phí ăn ca	190.349.614	233.711.538
- Phí quản lý tòa nhà	986.400.000	-
- Chi phí khác	-	500.000
Cộng	4.254.280.357	9.504.463.060

31. Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn	710.336.153	725.764.502
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Khoản phải trả liên quan Khu TMDV DC Định Hòa	51.502.974.300	51.502.974.300
- Lãi tiền gửi từ tiền CPH	54.181.550.186	-
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất TX. Thuận An	25.002.372	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	3.000.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	11.632.804	11.700.000
Cộng	110.809.376.615	53.618.319.602

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

32. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Ngày 02/01/2018	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại khoản vay/ Chênh lệch tỷ giá	Ngày 31/12/2018
32.1 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Dương	773.936.531.183	3.620.796.803.736	(3.219.945.632.174)	(125.140.779)	1.174.662.561.966
32.2 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bình Dương	1.287.003.203.968	3.859.873.910.159	(4.193.543.543.731)	1.344.417.197	954.677.987.593
32.3 Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	485.610.388.505	699.550.534.857	(997.890.553.529)		187.270.369.833
32.4 Malayan Banking Berhad	199.858.579.497	807.394.125.461	(853.985.199.283)	205.353.308	153.472.858.983
32.5 Ngân hàng TMCP Quân đội	-	611.554.774.364	(611.554.774.364)		-
32.6 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	528.171.936.059	1.640.979.119.900	(1.447.017.972.168)	(96.222.625)	722.036.861.166
32.7 Vay dài hạn đến hạn trả	115.784.000.000	-	(115.784.000.000)	115.784.000.000	115.784.000.000
Cộng	3.390.364.639.212	11.240.149.268.477	(11.439.721.675.249)	117.112.407.101	3.307.904.639.541

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

32.1 Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi Nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 006B18 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 006K18 ngày 9 tháng 02 năm 2018. Các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn duy trì hạn mức : 12 tháng kể từ ngày 31/01/2018
- Thời hạn vay : Tối đa 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.2 Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 18.0122/2018-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 10/09/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 10/09/2019
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2016- 00767 ngày 14/06/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 14/6/2019
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

32.4 Vay ngắn hạn của Ngân hàng Malayan Banking Berhad (MayBank) theo hợp đồng số HCMC-HN/LO/THALEXIM/2018/01 ngày 06/02/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 10.000.000 USD
- Mục đích vay :
 - L/C: Nhập khẩu và mua các nguyên vật liệu thô, hàng hoá/thành phẩm liên quan đến hoạt động kinh doanh
 - FEC: Dự phòng biến động ngoại tệ
- Lãi suất :
 - Thu tín dụng (L/C): Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm
 - Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.5 Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng số 8407.18.110.969666.TD ngày 26/03/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20,000,000.00 USD hoặc VND tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15/10/2018
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2017-2018
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/83406/HĐTD ngày 03/07/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 800.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng vay
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.7 Vay dài hạn đến hạn trả

Khoản vay đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Tham chiếu Thuyết minh V.38)



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

33. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Ngày 02/01/2018	Tăng khác	Chi trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Quỹ khen thưởng	17.537.164.749	-	14.717.700.000	2.819.464.749
- Quỹ phúc lợi	5.755.192.730	2.000.000	5.436.942.949	320.249.781
- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	355.805.248	-	350.000.000	5.805.248
Cộng	23.648.162.727	2.000.000	20.504.642.949	3.145.519.778

34. Quỹ bình ổn giá

Tình hình tăng, giảm Quỹ bình ổn giá xăng dầu trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Ngày 02/01/2018	Trích trong kỳ	Sử dụng trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Quỹ bình ổn giá	156.354.745.770	243.545.140.300	285.988.886.750	113.910.999.320
- Lãi quỹ bình ổn giá	2.967.306.456	1.233.187.574	-	4.200.494.030
Cộng	159.322.052.226	244.778.327.874	285.988.886.750	118.111.493.350

35. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản ứng trước chuyển nhượng Bất động sản, chi tiết như sau:

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Đỗ Việt Cường	2.200.000.000	-
- Dương Yến Nhi	900.000.000	-
- Huỳnh Song Ngọc Trinh	3.000.000.000	-
- Lê Minh Lý	1.000.000.000	-
- Nguyễn Thành Nhân	9.000.000.000	-
Cộng	16.100.000.000	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

36. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Số tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:

	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
- Số đầu kỳ	411.550.098.649	403.084.873.219
- Tăng trong kỳ	7.051.451.363	24.366.666.666
- Doanh thu đã thực hiện trong kỳ	(114.183.334.105)	(15.901.441.236)
- Số cuối kỳ	304.418.215.907	411.550.098.649

37. Phải trả dài hạn khác

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	27.217.662.300	26.600.589.000
- Công ty CP Giang Nam Logistics (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng cộng	77.217.662.300	76.600.589.000

(*) Khoản tiền nhận hợp tác đầu với Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐ-GNL-2015 ngày 23/5/2015.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

38. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo các Hợp đồng sau:

38.1 Hợp đồng vay số 14490121/2014/HBTDDA/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 23 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Dùng để thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư kho cảng thủy nội địa An Sơn (bao gồm cả cho vay để bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn gồm: công trình bến, kè, kho, bãi, cầu cảng, công trình kỹ thuật, giao thông, cây xanh, công trình hành chính - dịch vụ - phụ trợ,... thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 14.49.0123/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất tạm định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 432.575.000.000 Đồng

Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản dưới đây:

- + Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn
- + Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm
- + Tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan đến các tài sản nêu trên

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp động sản số 14.49.0127/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014, các bên thống nhất định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 60.000.000.000 Đồng

- Số dư 31/12/2018 : 49.250.000.000 Đồng

Trong đó

- Vay dài hạn : 0 Đồng
- Nợ đến hạn trả : 49.250.000.000 Đồng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

38.2 Hợp đồng vay số 15.49.0012/2015-HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LE ngày 16 tháng 3 năm 2015, cụ thể:

- Hạn mức vay : 224.000.000.000 Đồng
 - Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
 - Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
 - Mục đích vay : Cho vay thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK102-Nhà Bè giai đoạn 1 (bao gồm cả cho vay bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
 - Lãi suất : Xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
 - Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè gồm: hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, bãi đậu xe, hệ thống tường kê và hệ thống tuyến ống công nghệ), cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà kho (nhà kho, nhà điều hành cấp phát, hệ thống bảo vệ, hệ thống ngăn dề chống tràn dầu, trạm xử lý nước nhiễm dầu, hệ thống trang thiết bị phục vụ xuất nhập tồn trữ xăng dầu), hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, điện, cống, hàng rào, thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè theo Quyết định số 2212/QĐ-BTL ngày 12/12/2013 của Bộ tư lệnh Quân khu 7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15.49.0032/TC ngày 16/3/2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 96.443.000.000 VND

Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mở rộng Kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè giai đoạn 1 (hệ thống bồn chứa, đường ống công nghệ, máy móc thiết bị các loại,...). Các quyền, lợi ích của Bên B phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.49.0033/TC ngày 16 tháng 03 năm 2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 185.135.000.000 VND
 - Số dư 31/12/2018: 83.184.500.000 Đồng
- Trong đó**
- Vay dài hạn : 16.650.500.000 Đồng
 - Nợ đến hạn trả : 66.534.000.000 Đồng



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

39. Vốn chủ sở hữu

	Chỉ tiêu	Ngày 02/01/2018	Phát sinh trong kỳ	Ngày 31/12/2018
39.1	Vốn góp của chủ sở hữu	2.366.000.000.000	-	2.366.000.000.000
39.2	LNST chưa phân phối	-	106.504.602.313	106.504.602.313
	Cộng	2.366.000.000.000	106.504.602.313	2.472.504.602.313

39.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã chào bán	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.600.000	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các Cổ đông như sau:

Cổ đông	Ngày 02/01/2018	Ngày 31/12/2018	Tỷ lệ
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	116.134.800	85.176.000	36,00%
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	37.856.000	37.856.000	16,00%
- Công ty TNHH Hải Linh	35.490.000	35.490.000	15,00%
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	34.422.600	34.422.600	14,55%
- Các cổ đông khác	12.696.600	43.655.400	18,45%
Cộng	236.600.000	236.600.000	100,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

	ĐVT: VND	
	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
40. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	11.615.646.010.342	7.729.969.206.363
- Doanh thu bán các thành phẩm	1.552.598.961.221	439.759.083
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.649.532.587	66.819.501.407
- Doanh thu kinh doanh BĐS	199.689.001.284	52.288.721.708
Cộng	13.444.583.505.434	7.849.517.188.561
41. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.483.310.011.770	7.443.882.500.455
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.348.469.576.445	807.293.750
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.547.943.259	25.081.020.611
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	54.877.072.302	37.811.313.800
Cộng	12.919.204.603.776	7.507.582.128.616
42. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.677.607.823	68.092.535.852
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.930.854.549	49.197.716.599
- Lãi chênh lệch tỷ giá	799.770.572	8.496.911.825
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.135.534.994	24.000.000.000
Cộng	136.543.767.938	149.787.164.276
43. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	164.474.281.236	99.117.999.859
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	48.963.621.041	4.776.720.351
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	354.567.255	-
- Chi phí tài chính khác	90.000.000	676.500.000
Cộng	213.882.469.532	104.571.220.210

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

44. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	61.293.925.766	50.577.161.793
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.373.364.689	2.452.938.856
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.763.248.451	3.126.773.606
- Chi phí khấu hao TSCĐ	31.719.162.901	21.711.636.239
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.011.379.244	70.229.445.027
- Chi phí bằng tiền khác	105.807.530.908	80.544.309.498
Cộng	243.968.611.959	228.642.265.019

45. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	21.321.207.227	26.813.711.443
- Chi phí vật liệu quản lý	1.046.279.717	743.427.406
- Chi phí đồ dùng văn phòng	622.923.815	272.052.500
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.889.076.033	5.510.662.824
- Chi phí dự phòng	9.390.755.909	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.431.755.003	7.692.254.281
- Chi phí bằng tiền khác	16.438.743.161	15.322.463.303
Cộng	73.140.740.865	56.354.571.757

46. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	8.700.000.000	36.363.636
- Thu tiền điện, nước khách thuê	671.707.381	338.774.634
- Phí tàu giả, phí lưu tàu, thu hoàn phí BH	117.938.504	420.875.000
- Thu nhập khác	262.304.309	894.381.450
Cộng	9.751.950.194	1.690.394.720



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

47. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý TSCĐ	6.891.237.115	42.037.500
- Tiền điện, nước sử dụng	572.612.174	-
- Chi phí khác	941.968.846	1.931.207.014
Cộng	8.405.818.135	1.973.244.514

48. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	132.276.979.299	101.871.317.441
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	32.550.000	17.905.521.860
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	50.930.854.549	49.197.716.599
- Tổng thu nhập chịu thuế	81.378.674.750	70.579.122.702
<i>Trong đó:</i>		
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	128.861.884.930	(10.509.347.163)
+ Thu nhập từ hoạt động SXKD	(47.483.210.180)	81.088.469.865
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất	25.772.376.986	14.115.824.540
- Thuế TNDN tạm tính theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản	49.000.000	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào kỳ nay	-	(338.403.837)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.821.376.986	13.777.420.703

49. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (49.000.000) 338.403.837

Khoản thuế TNDN hoãn lại xác định theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ của khách hàng chuyển nhượng Bất động sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty TNHH Hải Linh	Cổ đông
- Công ty CP Xăng dầu DV hàng hải S.T.S	Cổ đông

Giao dịch với các bên liên quan:

- Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong kỳ là: 3.362.500.000 Đồng.
- Các giao dịch với các Công ty con, Công ty liên kết và các Cổ đông chiến lược:

❖ Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Ngày 02/01/2018	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	4.757.991.297	33.728.107.441	38.465.848.398	20.250.340
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	186.389.217.376	886.736.116.639	965.292.644.071	107.832.689.944
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	136.267.900	127.074.500	9.193.400
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	3.506.332.000	104.440.227.000	100.334.629.000	7.611.930.000
- Công ty TNHH Hải Linh	170.132.785.901	3.848.589.069.352	3.643.523.479.169	375.198.376.084
- Công ty CP Xăng dầu DV hàng hải S.T.S	255.526.683.342	548.798.254.901	329.281.425.739	475.043.512.504
Cộng	620.313.009.916	5.422.428.043.233	5.077.025.100.877	965.715.952.272



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

❖ **Nợ Phải thu lãi, cổ tức, cho vay và thu khác**

	Ngày 02/01/2018	Phải thu trong kỳ	Đã thu hay giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	2.730.987.953	258.178.634.947	3.330.987.953	257.578.634.947
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	2.352.429.659	432.650.791.712	177.697.550.339	257.305.671.032
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	14.142.291.613	-	-	14.142.291.613
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	345.285.000	-	345.285.000	-
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	9.172.427.607	-	-	9.172.427.607
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	37.887.121	210.000.000.000	210.000.000.000	37.887.121
- Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D	341.873.412	2.247.604.345	1.868.792.683	720.685.074
Cộng	29.123.182.365	903.077.031.004	393.242.615.975	538.957.597.394

❖ **Nợ phải trả về mua hàng và nhận dịch vụ cung cấp và phải trả khác:**

	Ngày 02/01/2018	Phải trả trong kỳ	Đã thanh toán hay giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	14.626.764.854	93.055.162.217	102.109.964.270	5.571.962.801
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	-	989.296.367.564	1.109.390.893.066	(120.094.525.502)
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	609.520.000	-	609.520.000	-
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	296.004.182	296.004.182	-
- Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Công ty TNHH Hải Linh	(1.606.822.269)	2.131.728.785.749	2.058.875.531.558	71.246.431.922
Cộng	13.629.462.585	3.217.376.319.712	3.271.281.913.076	(40.276.130.779)

003-C.1
 TNHH
 AN
 VIỆT
 NH
 PHỐ
 BÌNH
 DƯƠNG
 CHỈ MÃ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

2. Thông tin về cổ phần hoá

Tổng Công ty đã thực hiện thành công cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước.

Từ ngày 02/01/2018, Tổng Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương. Kỳ kế toán này là kỳ kế toán đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

3. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2018

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2018 sau đây:

- Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính về Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân, Thuế Giá trị gia tăng...
- Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, có hiệu lực từ ngày 01/11/2018.

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang